TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 05-6-2025.
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thành Chì

2. Bà Bùi Thị Duyên

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Võ Thị Hồng Xuyến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà*: Bà Bùi Thị Mai Ly - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 113/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2025, Quyết định hoãn phiên toà số 30/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1973. Địa chỉ: 81/3, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre. Có đơn xin xét xử vắng mặt

2. *Bị đơn:* Ông Bùi Văn P1, sinh năm 1967. Địa chỉ: 81/3, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thị P trình bày:

Bà và ông Bùi Văn P1 đã kết hôn năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre và được Ủy ban nhân dân xã A cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 15 tháng 06 năm 1998, hôn nhân tự nguyện.

Nguyên nhân bà yêu cầu ly hôn với ông Bùi Văn P1 là do: sau khi kết hôn bà và ông P1 cùng sinh sống ở ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2005 giữa bà và ông P1 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, làm cho mục đích hôn nhân không đạt được, ông P1 thường xuyên nhậu nhẹt, không lo làm ăn kinh tế trong gia đình, nhậu xỉn về ông P1 thường đánh đập bà nhưng vì thương con nên bà vẫn tiếp tục sống với ông P1. Nay tình cảm vợ chồng giữa bà và ông Bùi Văn P1 không còn, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu Toà án giải quyết:

- Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Bùi Văn P1. Bà không yêu cầu ông P1 cấp dưỡng cho bà khi ly hôn.

- Về con chung: vợ chồng bà có hai chung là Bùi Văn N, sinh ngày 24 tháng 12 năm 1993 và Bùi Thị Vân T, sinh ngày 24 tháng 5 năm 1996, đã trưởng thành, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: không có, bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, bà không yêu cầu giải quyết. Bà không thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo, không thuộc gia đình có công với cách mạng. Bà không trình bày gì thêm.

Bị đơn ông Bùi Văn P1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án gồm Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cùng các bản sao tất cả các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông P1 vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Nguyên đơn thực hiện đúng qui định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70,72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 8, 51, 53 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị P; Về hôn nhân: bà P được ly hôn với P1. Bà P không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau ly hôn nên không xem xét giải quyết. Về con chung: hai con chung là Bùi Văn N, sinh ngày 24/12/1993 và Bùi Thị Vân T, sinh ngày 24/5/1996 đã trưởng

thành, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Bùi Văn P1 hiện sinh sống tại ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bà Huỳnh Thị P có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà P.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt cho ông Bùi Văn P1 các văn bản tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông P1 đều không có mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông P1.

[4] Về hôn nhân: Năm 1998, bà Huỳnh Thị P và ông Bùi Văn P1 tự nguyện kết hôn với nhau, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, cả hai có đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15 tháng 6 năm 1998. Do đó, việc kết hôn và đăng ký kết hôn của bà P và ông P1 là phù hợp với quy định của pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nguyên nhân bà Huỳnh Thị P yêu cầu ly hôn với ông P1 là do thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2005 giữa bà P và ông P1 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, làm cho mục đích hôn nhân không đạt được, ông P1 thường xuyên nhậu nhẹt, không lo làm ăn kinh tế trong gia đình, nhậu xỉn về ông P1 thường đánh đập bà P. Do đó, ly hôn là cách tốt nhất để bà và ông P1 có cuộc sống tự do cho mỗi người. Xét thấy: Hiện nay bà P và ông P1 không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Tòa án đã tạo điều kiện để bà P và ông P1 hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng ông P1 vắng mặt không có lý do nên từ đó có căn cứ kết luận ông P1 không quan tâm đến cuộc sống hôn nhân với bà P và không có thiện chí hàn gắn. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn trong hôn nhân giữa bà P và ông P1 đã lâm vào trình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà P đối với ông P1 là có căn cứ theo

quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do bà P không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

[5] Về con chung: Bà P và ông P1 có hai con chung là Bùi Văn N, sinh ngày 24 tháng 12 năm 1993 và Bùi Thị Vân T, sinh ngày 24 tháng 5 năm 1996, đã trưởng thành, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Do bà P trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Do bà P trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình: Bà P phải nộp theo quy định của pháp luật.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, Điều 227, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56, 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Huỳnh Thị P. Bà Huỳnh Thị P được ly hôn với ông Bùi Văn P1. Do bà Huỳnh Thị P không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

2. Về con chung: Do các con chung là Bùi Văn N, sinh ngày 24 tháng 12 năm 1993 và Bùi Thị Vân T, sinh ngày 24 tháng 5 năm 1996, đã trưởng thành, bà P không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Huỳnh Thị P trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Huỳnh Thị P trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị P phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008794 ngày 05/03/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú và đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND xã An Điền;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Như Sương